

Thư Bức Thứ

ĐÚP-ĐƠ-TAĐ



Frederick Engels

Table of Contents

[Báo Telegraph für Deutschland số 49 tháng 3/1839](#)

[Báo Telegraph für Deutschland số 50 tháng 3/1839](#)

[Báo Telegraph für Deutschland số 51 tháng 3/1839](#)

[Báo Telegraph für Deutschland số 52 tháng 3/1839](#)

[Báo Telegraph für Deutschland số 57 tháng 4/1839](#)

[Báo Telegraph für Deutschland số 59 tháng 4/1839](#)

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách : Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Frederick Engels

Những Bức Thư Từ Vúp-pơ-tan

Báo Telegraph für Deutschland số 49 tháng 3/1839

Như mọi người đều biết, dưới cái tên gọi này, - mà "Những người bạn của ánh sáng" ghét đến thậm tệ, - người ta hiểu đó là hai thành phố En-bơ-phen-đơ và Bác-men, nằm trên lưu vực sông Vúp-pơ dài khoảng chừng ba giờ thuyền chèo. Con sông nhỏ hẹp này khi thì nằm yên không chuyển động, khi thì cuộn sóng đỏ ngầu chảy xiết giữa những tòa nhà công xưởng bốc khói và những nhà máy phiêu sợi phủ đầy sợi bông; nhưng cái màu sắc đỏ thẫm của nó không phải bắt nguồn từ một trận đánh đẫm máu nào đó, - bởi vì đấu đá nhau ở đây chỉ có những cây bút của các nhà thần học và cả những mụ già bép xép nữa, thường là vì những chuyện lật vạt nhỏ nhen, - cũng chẳng phải là bắt nguồn từ sự xấu hổ về phong tục của con người, mặc dù điều đó quả thực là có đủ căn cứ, mà chỉ bắt nguồn từ rất nhiều lò nhuộm dùng thuốc nhuộm màu đỏ thẫm. Nếu như bạn đi từ phía Đuyt-xen-đoóc-phơ tới, thì ở Don-boóc bạn sẽ bước chân vào khu đất thánh; dòng sông Vúp-pơ đục ngầu đang uể oải uốn mình ngang qua bạn, và so với con sông Ranh mà bạn vừa bỏ lại đằng sau, thì cái vẻ đáng thương hại của nó khiến cho bạn hết sức thất vọng. Vùng này khá hấp dẫn: những ngọn núi không cao lắm, khi thoai thoải, khi dựng đứng, có rừng phủ kín, chen đột ngột vào giữa những cánh đồng đỏ xanh rờn, và khi thời tiết tốt, bầu trời trong xanh phản chiếu vào dòng sông Vúp-pơ thì cái màu đỏ của nó hoàn toàn biến mất. Vòng qua sườn núi, bạn thấy ngay trước mặt những cái tháp kỳ dị của En-bơ-phen-đơ (những ngôi nhà khiêm tốn ẩn mình đằng sau những chiếc vườn) và sau vài phút thì bạn đến thành Xi-ôn của những người theo chủ nghĩa ngu dân. Khi chưa tới thành phố, bạn đã gặp phải một nhà thờ Thiên chúa giáo; nhà thờ này đứng tại đây như là bị đuổi ra khỏi những bức tường thiêng liêng của thành phố này. Đây là một nhà thờ theo kiểu Bi-dăng-xơ, nó được xây dựng rất tồi bởi một kiến trúc sư rất không có kinh nghiệm, theo một sơ đồ rất tốt; người ta đã dỡ đi một nhà thờ Thiên chúa giáo cũ để lấy chỗ cho cánh trái tòa thị chính còn chưa xây dựng; chỉ còn lại độc nhất một cái tháp, phục vụ cho phúc lợi công cộng theo kiểu của nó, - cụ thể là dùng làm nhà tù. Tiếp theo sau đó, bạn đi tới một ngôi nhà lớn - những vòm của nó dựa trên các cột - nhưng những cột này có một kiểu rất độc đáo: nhìn hình dáng của cột, thì phần dưới theo kiểu Ai Cập, phần giữa theo kiểu Đô-rít và phần trên theo kiểu I-ô-nít; thêm nữa nhờ có chiếc móng rất kiên cố, nên những cột này chẳng phải dùng đến mọi chi tiết kiến trúc không cần thiết như loại trục chân và trục đầu. Ngôi nhà này trước kia gọi là viện bảo tàng, nhưng bây giờ ở đây chẳng còn một tí dấu vết nào của nàng thơ, còn nợ nần thì để lại rất nhiều, nên chỉ cách đây không lâu lắm, nó đã bị đem bán đấu giá và mang cái tên gọi là "nhà du hí", cái tên gọi đó nổi bật lên trên mặt chính trống trải của tòa nhà, làm tiêu tan mọi ký ức về cái tên thơ mộng xưa kia. Vả lại, ngôi nhà này kiến trúc nặng nề đến nỗi về chiều trông nó giống như con lạc đà. Từ nơi này bắt đầu tỏa ra những đường phố buồn tẻ, không có gì độc đáo; tòa thị chính mới, đẹp, còn một nửa chưa xây xong, vì thiếu chỗ mà phải bố trí một cách thật phi lý, đến nỗi mặt trước tòa nhà nhìn ra cái ngõ hẻm nhỏ hẹp chẳng ra sao cả. Cuối cùng bạn đến Vúp-pơ, và một chiếc cầu xinh đẹp sẽ dẫn bạn đến Bác-men, ở đây ít ra những yêu cầu về vẻ đẹp kiến trúc cũng được chú ý nhiều hơn. Bên kia cầu, tất cả đều có cái vẻ niềm nở hơn; tại đây không có những căn nhà xấu xí của vùng En-bơ-phen-đơ, - chẳng theo kiểu cũ cũng chẳng theo kiểu mới, không đẹp cũng không xấu, - mà là những ngôi nhà to lớn, đồ sộ, xây có thẩm mỹ, theo kiểu mới; trước mặt bạn đâu đâu cũng mọc lên những căn nhà mới bằng đá, cuối đường lát đá thì đến một con đường thẳng tắp hai bên nhà cửa san sát. Giữa những ngôi nhà hiện rõ bãi cỏ màu xanh của nhà máy phiêu sợi. ở đây, dòng sông Vúp-pơ còn trong veo, và hình dáng lơ mơ của những dãy núi trùng điệp, với những cánh rừng, những bãi cỏ và những chiếc vườn nối tiếp nhau một cách hỗn tạp, trong đó đâu đâu cũng hiện ra những mái nhà đỏ chói, khiến cho bạn càng đi tới

càng cảm thấy nơi đây cảnh vật thật là hấp dẫn. Từ giữa con đường hai bên có trồng cây đã hiện rõ mặt trước của cái nhà thờ Hạ Bác-men nằm ở phía sâu hơn một chút; đó là tòa nhà xinh đẹp nhất của thung lũng, xây dựng rất đẹp theo kiểu Bi-dăng-xơ hết sức uy nghiêm. Nhưng rồi lại đến ngay một con đường lát đá, những căn nhà lợp bằng đá xám chen chúc nhau; song cảnh vật ở đây nhiều vẻ hơn nhiều so với En-bơ-phen-đơ: khi thì những bãi cỏ tươi xanh của nhà máy phiêu sợi, khi thì một căn nhà kiểu mới, khi thì một khúc sông nhỏ hẹp, khi thì một dãy vườn sát kề đường phố, phá tan cái vẻ đơn điệu của bức tranh. Tất cả điều đó khiến cho bạn sinh ra nghi hoặc, chẳng hay Bác-men có phải là một thành phố hay không, hay chỉ là một khối giản đơn tập hợp đủ các thứ nhà cửa; thật vậy, nó chỉ là một kết hợp của nhiều khu vực nhỏ được nối liền bởi những cơ quan công cộng của thành phố. Những khu vực đáng kể nhất trong đó là: Ghê-mác-cơ, từ xưa vốn là một trung tâm của giáo phái cải cách, Hạ Bác-men, nằm về phía En-bơ-phen-đơ, cách Vúp-pơ-tan không xa, ở phía trên Ghê-mác-cơ; xa hơn nữa là Rít-tơ-xhau-den, còn cạnh đó thì bên trái là Vich-slinh-hau-den, bên phải là Hê-kinh-hau-den và Rau-hen-tan với một vẻ đẹp khác thường; dân cư ở tất cả những vùng ấy đều là những tín đồ của Lu-the thuộc cả hai giáo phái; tín đồ Thiên chúa giáo - tại đây cả thấy không quá vài ba ngàn người - ở rải rác khắp cả lũng sông. Sau khi đi qua Rít-tơ-xhau-den, cuối cùng bạn sẽ rời khỏi vùng Béc-gơ và sau khi vượt qua cái chướng ngại đường, bạn bước vào Ve-xtơ-pha-li của đất nước Phổ cũ.

Đó là cái vẻ bên ngoài của lũng sông; trừ những đường phố ảm đạm của En-bơ-phen-đơ ra, nói chung cái lũng sông này gây cho người ta một ấn tượng rất dễ chịu; nhưng như kinh nghiệm chỉ rõ, điều đó không hề ảnh hưởng tới người dân ở đây. Cuộc sống nhân dân vui tươi lành mạnh mà chúng ta nhìn thấy hầu khắp mọi nơi trong nước Đức, thì ở đây tuyệt nhiên không cảm thấy; thật ra, mới thoạt nhìn thì hình như không phải như thế: mỗi buổi tối, những bọn người giông chơi vui vẻ đi dạo trên các phố, gào lên những bài ca của chúng, nhưng đây là những bài ca dung tục nhất, bẩn thỉu nhất, đã thốt ra trong một lúc nào đó từ cửa miệng của những kẻ say rượu; ở đây bạn không bao giờ nghe được một trong những bài dân ca mà thường khắp cả nước Đức ai ai cũng biết và thiết tưởng chúng ta cũng có quyền lấy làm tự hào. Tất cả các quán rượu đều chật ních người, nhất là vào ngày thứ bảy và ngày chủ nhật; đến tối vào 11 giờ, khi các quán rượu đóng cửa, lũ người say rượu từng đám đổ ra khỏi quán rượu và phần đông đều tỉnh rượu trong rãnh nước bên đường. Những kẻ sa đọa nhất trong bọn họ được gọi là Karrenbinder, những kẻ hoàn toàn đồi trụy, không có chỗ ở nhất định và tiền công đều đặn; khi trời hửng sáng, bọn họ chui ra khỏi những hang ổ của họ, từ những vựa cỏ khô, chuồng ngựa v.v., nếu như không phải là đã trải qua cả một đêm đầu đó trên đồng phân hoặc ở cầu thang. Sau khi đã hạn chế số lượng của những quán rượu trước kia không thể đếm xuể, hiện giờ các nhà đương cục địa phương giới hạn được đến một mức độ nào đó cái tình trạng tồi tệ ấy.

Báo Telegraph für Deutschland số 50 tháng 3/1839

Nguyên nhân gây ra những hiện tượng như vậy hoàn toàn rõ ràng. Trước hết, lao động công xưởng đang thúc đẩy mạnh mẽ tình trạng đó. Lao động trong những căn nhà lụp xụp, trong đó người ta hít khói và bụi than nhiều hơn là ô-xy, - và trong phần lớn các trường hợp, từ sáu tuổi trở đi đã là như vậy, - thứ lao động ấy có mục đích làm cho họ mất hết mọi sức lực và tính yêu đời. Những thợ dệt cá lẻ ngồi tại nhà mình từ sáng đến đêm, còng lưng bên chiếc máy dệt và làm khô cạn tủy sống của mình bên cái lò nóng bỏng. Số phận của những người này nếu không rơi vào chủ nghĩa thần bí thì cũng mắc phải nạn rượu chè. Chủ nghĩa thần bí ấy, dưới cái hình thức thô bạo và ghê tởm mà nó đang ngự trị ở đây, nhất định sẽ đẻ ra một sự cực đoan trái ngược, mà kết quả là: nhân dân ở đây chỉ bao gồm "những người đoan chính" (người ta gọi những người thần bí chủ nghĩa như vậy) và đám người phóng đảng. Chỉ riêng một sự phân hóa như vậy thành hai phe đối địch, bất kể bản tính của chúng ra sao, tự nó cũng đã có thể giết chết mọi sự phát triển của tinh thần nhân dân. Vả lại, có thể nào chờ mong được một điều gì tốt đẹp, nếu như thậm chí việc một trong hai phe biến mất cũng chẳng đem lại lợi ích gì, bởi vì cả hai đều bị bệnh lao phổi như nhau? Nếu như ở đây đôi khi có gặp một số người khỏe mạnh, thì đó hầu như chỉ là những người thợ mộc hoặc những người thợ thủ công khác, tất cả bọn họ đều

từ những địa phương khác đến; trong số những người thợ da ở địa phương cũng có một số người cường tráng, nhưng chỉ cần sống ba năm như vậy cũng đủ làm cho họ bị tiêu vong cả về thể xác lẫn tinh thần: trong năm người có ba người chết vì bệnh lao phổi, mà tất cả nguyên nhân là bệnh nghiện rượu. Tuy thế, tất cả những điều đó sẽ không có một quy mô kinh khủng đến như vậy, nếu như không có cái lối làm ăn tác yếu tác quái của các chủ xưởng và nếu như chủ nghĩa thần bí không giống như trong thực tế và sẽ không đe dọa lan tràn rộng hơn nữa. Tình trạng bần cùng kinh khủng đang ngự trị trong các giai cấp bên dưới, đặc biệt là trong những công nhân công xưởng ở Vúp-pơ-tan; bệnh giang mai và bệnh phổi rất phổ biến tới mức thật khó mà tin được; chỉ riêng vùng En-bơ-phen-đơ, trong số 2500 trẻ em đến tuổi đi học, có 1200 em không có khả năng đến trường và phải lớn lên trong công xưởng - chỉ cốt để cho chủ xưởng khỏi phải trả cho công nhân người lớn mà các em thay thế, một số tiền công gấp đôi tiền trả cho trẻ em. Nhưng bọn chủ xưởng giàu thường có một lương tâm co giãn, và linh hồn của một người thuộc phái kiên thành cũng chưa phải đã sa xuống địa ngục vì có thêm hay bớt đi một em bé bị héo hon, hơn nữa, nếu như cái linh hồn ấy mỗi ngày chủ nhật đều đi lễ nhà thờ hai lần. Bởi vì người ta đã xác lập được rằng trong số các chủ xưởng, những kẻ theo phái kiên thành đối xử với công nhân của mình tội tệ hơn cả; họ tìm cách hạ thấp tiền công của công nhân, làm như thể để cho công nhân không còn có khả năng rượu chè, nhưng trong cuộc bầu cử những người truyền đạo thì bao giờ họ cũng là những kẻ đầu tiên mua chuộc công nhân của họ. Trong những đẳng cấp bên dưới, chủ nghĩa thần bí thống trị nhiều hơn cả là trong thợ thủ công (tôi không liệt chủ xưởng vào số những người này). Thật là một cảnh tượng đáng buồn khi trên đường phố ta thấy một thân hình cúi gập trong một chiếc áo rất dài, với bộ tóc rẽ ngôi theo kiểu của phái kiên thành. Nhưng, ai thực sự muốn biết giống người đó thì phải ghé vào một xưởng rèn hay một xưởng đóng giày nào đó của một tín đồ kiên thành. Ngồi chễm chệ ở đây là một người thợ cả, phía bên phải của anh ta có cuốn kinh thánh, còn ở phía bên trái (ít ra cũng rất thường thấy như thế) là chai rượu trắng. Ở đây người ta chẳng bận tâm gì đến công việc: người thợ cả bao giờ cũng đọc kinh thánh, thỉnh thoảng lại nhấp một ly rượu, và đôi khi cùng với thợ ban lè nhè đồng ca một bài ca tôn giáo; nhưng công việc chủ yếu bao giờ cũng là lên án người khác. Như bạn thấy, khuynh hướng ấy ở đây cũng giống như ở mọi nơi khác. Nguyên vọng nhiệt thành của phái kiên thành muốn làm cho người ta đi theo đạo của mình không phải là không có kết quả. Trong số những người đã thay đổi tín ngưỡng, - hơn nữa, phần lớn người ta coi việc này là do phép lạ gây ra, - đặc biệt có rất nhiều những kẻ rượu chè be bét và những kẻ giống như họ. Nhưng tình hình này cũng chẳng có gì đáng ngạc nhiên cả: tất cả những người thay đổi tín ngưỡng đó đều là những kẻ sa đoạ, dấn dộn, và thuyết phục họ là một công việc chẳng khó khăn gì; sau khi cải giáo theo đạo kiên thành, một vài lần trong tuần lễ họ để người ta làm cho xúc động đến rơi nước mắt và lén lút sống cuộc đời như cũ. Cách đây mấy năm, toàn bộ cái trò bịp bợm này đã bất ngờ bị vạch trần, khiến cho tất cả những bọn nguy hiểm kinh hoàng. Có một người Mỹ đầu cơ nào đó đến, mang tên là mục sư Uya-ghen-xơ; y đã giảng đạo vài lần, người đến nghe rất đông, bởi vì phần đông cho rằng là một người Mỹ thì y nhất định phải là người da ngăm đen hay thậm chí là người da đen. Nhưng lạ thay, y chẳng những là da trắng, mà lại còn là một người giảng đạo, khiến cho cả nhà thờ đều rơi nước mắt; nhưng sở dĩ người ta rơi nước mắt như vậy là vì bản thân y đã gào lên thảm thiết khi mà mọi thủ đoạn hòng làm cho công chúng động lòng đều không đạt được mục đích. Các tín đồ đồng thanh biểu thị sự kinh ngạc của mình; thật ra thì người ta cũng có nghe những lời phản đối của một vài người hiểu biết lẽ phải, nhưng những người này cũng bị tuyên bố ngay luôn là những kẻ vô thần. Ít lâu sau, Uya-ghen-xơ bắt đầu tổ chức những cuộc tụ họp kín và thu được lễ vật hậu hĩ của những người có tiếng tăm sùng bái y, và sống rất ung dung. Người ta nghe những lời thuyết giáo của y một cách say sưa hơn là nghe bất cứ người nào khác; những cuộc tụ họp kín của y thường là đông nghịt, mỗi lời nói của y đều làm cho cả đàn ông lẫn đàn bà giàn giụa nước mắt. Bây giờ thì tất cả mọi người đều tin rằng ít ra y cũng là một nhà nửa tiên tri và y sẽ xây dựng một thành Giê-ru-da-lem mới; nhưng một ngày nào đó, toàn bộ cái trò khôi hài ấy đã kết thúc. Đột nhiên, người ta phát hiện ra những trò trống gì đã diễn ra tại các cuộc tụ họp kín ấy; thế là ngài Uya-ghen-xơ bị tổng giam và ngài đã phải sám hối trong mấy năm về tội ngoan đạo của mình khi bị thẩm vấn ở Ham. Sau đó, Uya-ghen-xơ hứa sửa chữa, người ta đã phóng thích y và tống cổ y về Mỹ. Người ta cũng còn biết được rằng trước kia ở Mỹ y cũng đã trở cái trò bịp đó của y, vì thế y

đã bị đuổi đi; lúc này, để khỏi quên mất, y đã diễn tập lại cái trò ấy ở Ve-xơ-pha-li; ở đây, do lòng nhân từ, hay nói cho đúng hơn là do sự nhu nhược của chính quyền địa phương, nên y đã được thả ra mà không bị truy cứu nữa; và cuối cùng, y đã kết thúc cuộc đời phóng đảng của y bằng cách diễn lại toàn bộ cái trò ấy một lần nữa tại En-bơ-phen-đơ. Khi người ta phát hiện ra những trò trống gì đã diễn ra tại các cuộc tụ họp của nhân vật cao quý này, thì mọi người đều đứng lên chống lại y và không ai còn muốn biết đến y nữa; tất cả mọi người, từ Li-băng đến Biển muối, tức là từ núi rừng Rít-tơ-xhau-den đến chiếc đập vùng Don-boóc trên sông Vúp-pơ, đều xa lánh y.

Báo Telegraph für Deutschland số 51 tháng 3/1839

Nhưng trung tâm thực sự của toàn bộ phái kiên thành và của chủ nghĩa thần bí là hội cải cách tôn giáo ở En-bơ-phen-đơ. Từ xưa, hội này nổi tiếng là triệt để theo tinh thần của đạo Can-vanh, nhưng mấy năm gần đây, do việc bổ nhiệm những giáo sĩ giả nhân giả nghĩa nhất - hiện ở đó đồng thời một lúc có bốn giáo sĩ như vậy đang giảng đạo - tinh thần ấy đã trở thành một sự cố chấp kỳ quái nhất và chẳng khác gì mấy với tinh thần của phái Giáo hoàng. ở đây, tại các cuộc họp, người ta chính thức xử tội những người tà đạo; ở đây người ta lên án hành động của bất kỳ một ai không đến dự cuộc họp; ở đây người ta suy luận như sau: một người nào đó đọc tiểu thuyết, và mặc dầu nhan đề cuốn sách có ghi là "tiểu thuyết Cơ Đốc giáo", nhưng mục sư Crum-ma-khơ vẫn cứ tuyên bố những cuốn tiểu thuyết ấy là sách vô thần, còn một người nào đó dường như là một người kính thần, nhưng hôm trước có người thấy anh ta tại một cuộc hòa nhạc, thế là người ta chấp tay kinh hãi vì cái tội lỗi chưa từng nghe thấy đó. Nếu một người giảng đạo nào đó nổi tiếng là một nhà duy lý (hề ai dù là hơi khác ý kiến với họ một chút cũng đều bị gọi như thế cả), thì họ chẳng để cho anh ta yên, người ta theo dõi tỉ mỉ anh ta xem cái áo anh ta mặc có thật là đen không, quần của anh ta mặc có phải là màu sắc hoàn toàn chính thống không; nếu người ta thấy chiếc áo anh ta mặc lấp lánh màu xanh hoặc thấy anh ta mặc áo gi-lê của kẻ duy lý, thì thật khổ cho anh ta! Nếu một kẻ nào tỏ ra không tin học thuyết tiền định, thì người đó lập tức bị kết án ngay là không tốt hơn tín đồ Lu-the bao nhiêu, vì tín đồ Lu-the không khác gì tín đồ Thiên chúa giáo mấy, mà tín đồ Thiên chúa giáo và những kẻ sùng bái ngẫu nhiên thì vốn đã bị nguyên rửa rồi. Nhưng những kẻ nói như thế là những người như thế nào? - Họ là những kẻ dốt nát, chưa hẳn đã biết kinh thánh viết bằng tiếng gì - tiếng Trung Hoa, tiếng Do Thái hay là tiếng Hy Lạp, - nhưng họ lại bình phẩm tất cả, dù là đúng chỗ hay không đúng chỗ, căn cứ theo những lời của một nhà truyền đạo nào đó đã được thừa nhận vĩnh viễn là chính thống.

Tinh thần này đã tồn tại kể từ khi phái cải cách đã chiếm ưu thế ở đây, nhưng vẫn chưa biểu hiện rõ ràng khi mà nhà truyền giáo G.Đ.Crum-ma-khơ, chết cách đây mấy năm, chưa dùng mọi cách để nuôi dưỡng tinh thần ấy ngay trong hội này; chẳng bao lâu, chủ nghĩa thần bí phát triển như hoa nở rộ, nhưng Crum-ma-khơ đã chết trước khi quả chín; mãi đến thời cháu ông ta, tiến sĩ Phri-đrich Vin-hem Crum-ma-khơ, thì tình hình này mới diễn ra: ông này đã hoàn thiện và làm cho đạo lý ấy trở nên chính xác một cách tinh vi đến nỗi người ta hoang mang không biết nên xem tất cả những điều đó là điều nói bậy hay là một tội phạm thánh. Tóm lại, quả đã chín rồi, nhưng không ai có thể hái được quả ấy, và vì thế quả ấy bị thối rữa cùng với thời gian và rụng xuống một cách hết sức thảm hại.

Gốt-phrit Đa-ni-en Crum-ma-khơ, em ruột của tiến sĩ Ph.A.Crum-ma-khơ, nổi tiếng về những bài ngụ ngôn ở Brê-men, đã chết cách đây khoảng ba năm ở En-bơ-phen-đơ sau nhiều năm giảng đạo. Cách đây hơn hai mươi năm, khi từ trên giảng đài, một nhà truyền giáo ở Béc-men trình bày thuyết tiền định dưới một hình thức không nghiêm cách như Crum-ma-khơ, thế là giáo dân bắt đầu hút thuốc lá trong nhà thờ, làm huyền não và ngắt lời ông ta với lý do là một sự giảng giải có tính chất tà đạo như vậy hoàn toàn không phải là giảng đạo, khiến chính quyền buộc phải can thiệp. Lúc bấy giờ, Crum-ma-khơ đã viết cho tòa thị chính Béc-men một bức thư thô bạo đến phát sợ, giống như bức thư mà Gri-gô-ri VII đã viết cho Hen-rích IV, và ra lệnh không được xúc phạm đến những kẻ giả nhân giả nghĩa ấy, bởi vì theo lời ông ta, những người ấy chỉ bảo vệ kinh phúc âm yêu quý của họ mà thôi; ông ta cũng giảng giáo lý theo kiểu như thế. Nhưng ông ta chỉ bị người ta chế giễu mà thôi. Tất cả những điều đó nói lên cái tinh thần

mà ông ta vẫn trung thành cho tới khi chết. Ngoài ra, ông ta còn có những tính kỳ dị đến nỗi người ta lưu truyền về ông ta hàng ngàn giai thoại, xét theo những giai thoại ấy thì ông ta nếu không phải là một anh chàng kỳ quặc nhất đời thì cũng là một con người lỗ mãng có một không hai.

Tiến sĩ Phri-đrich Vin-hem Crum-ma-khơ, một người trạc độ tứ tuần, cao, chắc nịch, thân hình to lớn; nhưng từ khi chuyển đến ở En-bơ-phen-đơ thì ông ta bắt đầu béo ra rõ rệt. Bộ tóc của ông ta rất là độc đáo, và tất cả tín đồ của ông ta đều bắt chước theo ông ta. Biết đâu rằng có thể đến một lúc nào đó, mang cái bộ tóc à la Crum-ma-khơ sẽ còn là một cái mốt nữa, song cái mốt ấy xét về mặt thiếu đầu óc thẩm mỹ thì hẳn là vượt tất cả các bộ tóc giả trước đây, thậm chí cả những bộ tóc giả rắc phấn nữa.

Khi hãy còn là sinh viên, ông đã tham gia hội thể thao mị dân, sáng tác những bài ca tự do, cầm cờ và đọc diễn văn trong ngày hội ở Vác-tơ-buốc, bài diễn văn của ông, theo người ta nói, đã gây một ấn tượng mạnh mẽ. Những năm tháng tự do thoải mái ấy của mình, ông thường vẫn nhắc lại bằng những câu như: "Khi tôi còn đang ở trong trại của người Hít-tít và người của Ca-nan". Sau này, ông được hội cải cách tôn giáo ở Bác-men cử làm mục sư và chỉ từ đó ông mới có được tầm tiếng của nhà truyền giáo. Ông ta vừa mới xuất đầu lộ diện với cái thuyết tiền định nghiêm cách của ông ta, thì đã gây nên không những sự phân liệt giữa phái Lu-the và phái cải cách, mà còn gây nên sự phân liệt ngay trong phái cải cách, giữa nhóm khắc nghiệt và nhóm ôn hòa của thuyết tiền định. Một bận, có một tín đồ già của đạo Lu-the chính thống sau khi đi chơi nhà người quen ngà ngà say trở về, phải đi qua một chiếc cầu đã ọp ẹp. Với trạng thái của ông ta khi đó, việc ấy đối với ông ta chắc chắn không phải là hoàn toàn không nguy hiểm, và ông ta bèn ngẫm nghĩ như sau: nếu như qua được cầu bình an vô sự thì tốt rồi, nếu chẳng may lộn cổ xuống sông Vúp-pơ, thì khi đó bọn cải cách sẽ nói rằng điều ấy tất phải như thế; nhưng không được để xảy ra như vậy. Thế là ông ta quay trở lại, tìm một chỗ không sâu và lội nước ngang thắt lưng vượt qua sông với cái cảm giác khoan khoái rằng mình đã làm cho bọn cải cách không còn có lý do để mà dương dương đắc ý nữa.

Khi ở En-bơ-phen-đơ có một ghế còn bỏ trống và Crum-ma-khơ được cử vào đó, thì mọi sự bất hòa ở Bác-men chẳng mấy chốc đã chấm dứt, nhưng ở En-bơ-phen-đơ chúng lại càng gay gắt thêm. Ngay lần giảng đạo đầu tiên của Crum-ma-khơ cũng đã làm cho một số người công phần và một số người khâm phục; nhưng sự bất hòa ngày càng tăng thêm, đặc biệt là do chỗ mỗi nhà truyền giáo, tuy quan điểm của họ đều như nhau cả, nhưng chẳng bao lâu đều có bè có cánh riêng của mình, tạo nên một đám công chúng thánh giả duy nhất của mỗi người. Về sau người ta chán ngấy tất cả những thứ đó, và cái tiếng hò hét muôn thuở như là: tôi tán thành Crum-ma-khơ, tôi tán thành Côn v.v., cũng chấm dứt, không phải vì yêu chuộng hòa bình mà là vì phái này tách biệt với phái kia ngày càng rõ rệt.

Hiển nhiên là Crum-ma-khơ có tài diễn thuyết xuất chúng, cũng như có tài làm thơ; những lời thuyết giáo của ông ta chưa bao giờ buồn tẻ, ông ta chuyển từ tư tưởng này sang tư tưởng khác thật là vững vàng và tự nhiên; ông ta chủ yếu giỏi vận dụng phản đề và mô tả những cảnh tượng đen tối - ở ông ta, việc mô tả địa ngục bao giờ cũng mới và táo bạo, mặc dù ông ta trở đi trở lại đề tài này không biết bao nhiêu lần rồi. Mặt khác, ông ta thường hay viện dẫn quá nhiều những câu nói trong kinh thánh và những hình tượng vốn có trong những câu nói ấy, những hình tượng này mặc dù phần lớn được vận dụng rất ý nhị, nhưng rút cuộc vẫn không tránh khỏi trùng lặp; xen vào đó là một bức tranh nào đó hết sức bình dị trong đời sống hàng ngày hoặc một câu chuyện kể về số phận của chính ông ta và về một vài cảm xúc hết sức nhỏ nhất của ông ta. Tất cả những điều đó, dù là đúng chỗ hay không đúng chỗ, ông ta đều lôi theo lên giảng đài; cách đây không lâu, trong hai lần giảng đạo, ông ta đã hiến cho những thánh giả sùng đạo của mình câu chuyện về cuộc hành trình của mình tới Vuyếc-tem-béc và Thụy Sĩ; trong những lần giảng đạo đó, ông ta đã nói đến bốn cuộc tranh luận của ông ta với Pau-lút ở Hai-đen-béc và với Stơ-rau-xơ ở Tuy-bin-ghen, nhưng thực ra thì hoàn toàn khác với điều mà Stơ-rau-xơ nói về chuyện này trong một bức thư. Những lời ngâm nga của ông ta nhiều đoạn rất hay, và những cử chỉ mạnh mẽ, có sức thuyết phục của ông ta thường rất là đúng chỗ, nhưng cũng có khi quá kiểu cách và vô vị. Khi đó, ông ta lồng lộn trên giảng đài, nghiêng người hết phía bên này đến phía bên kia, tay dấm trên giảng đài, chân dậm như móng ngựa chiến, lại còn gầm thét đến nỗi kính rung lên và người qua đường phải nhảy sang một bên vì hoảng sợ. Lúc đó, người

nghe cũng bắt đầu nức nở; trước tiên là các cô gái trẻ khóc, tiếp đến thì nổi lên cái giọng the thé đứt ruột đứt gan của các bà già, và cái bản hợp xướng lộn xộn này kết thúc bằng những tiếng rên rỉ của những phần tử kiên thành say mềm mà những lời lẽ của ông ta có thể làm cho họ thối tận tủy xương, nếu như họ còn có tủy trong xương; và xuyên qua tiếng gào rống này, cái giọng nói hùng tráng của Crum-ma-khor lại vang lên; trước toàn thể người nghe, ông ta tung ra vô số những lời nguyên rủa lên án những kẻ có tội lỗi hoặc miêu tả những cảnh tượng ma quái.

Báo Telegraph für Deutschland số 52 tháng 3/1839

Còn cái học thuyết của ông ta nữa kia! Thật là không thể nào hiểu nổi, con người làm sao có thể tin được những chuyện hoàn toàn trái ngược với lý tính và kinh thánh. Thế nhưng Crum-ma-khor đã đề xuất, nghiền ngẫm và củng cố cái thuyết của ông ta trong tất cả những kết luận một cách sắc sảo đến nỗi người ta không thể nào bác bỏ được, nếu như người ta thừa nhận nền tảng của nó, cụ thể là thừa nhận rằng con người không thể tự mình mong muốn hạnh phúc và lại càng không thể tạo ra hạnh phúc. Vì thế phải có việc ban năng lực đó từ bên ngoài, và vì đến ngay cả cái năng lực mong muốn hạnh phúc con người cũng không có, cho nên thượng đế phải ban năng lực ấy cho con người. ý chí tự do của thượng đế ban nó cho con người một cách tùy tiện, điều đó cũng là dựa theo kinh thánh, ít ra nhìn bề ngoài là như vậy. - Toàn bộ học thuyết ấy được xây dựng trên luận đoán nhằm nhí đó; một số rất ít người được lựa chọn, nolentes volentes, thì sống sung sướng, còn những người khác thì phải bị kết án muôn đời: "Muôn đời? - Vâng, muôn đời!!!" (Crum-ma-khor). Tiếp nữa, kinh thánh còn nói: không thông qua tôi thì không ai có thể đến gặp đức cha; nhưng những người dị giáo không thể đến gặp đức cha thông qua Cri-xto, bởi vì họ không biết đến Cri-xto, do đó tất cả bọn họ tồn tại chỉ là để sau này xuống đầy địa ngục. - Trong số những tín đồ Cơ Đốc, rất nhiều người được vời đến, nhưng rất ít người được lựa chọn; rất nhiều người được vời đến cũng chỉ là để cho có mặt mà thôi: có lẽ Chúa vời họ đến một cách không kiên quyết lắm, vì e ngại rằng họ không vâng lời mình; tất cả điều đó đều là vì vinh quang của Chúa và để cho họ không được tha thứ. Sau đó, kinh thánh cũng có nói: đối với các bậc thánh hiền đời nay, sự anh minh của Chúa là sự ngu xuẩn; những lời lẽ đó được những kẻ thần bí chủ nghĩa giải thích là một mệnh lệnh bắt phải xây dựng đạo lý của mình một cách hết sức vô nghĩa, dầu chỉ là để chứng minh câu cách ngôn ấy bằng một cách nào đó. Tất cả những điều đó phù hợp như thế nào với học thuyết của các vị thánh tông đồ đang nói đến việc thờ Chúa có lý tính và dòng sữa lý tính của kinh phúc âm, - điều bí ẩn đó lý tính không thể nào hiểu nổi.

Những giáo lý làm hỏng hết tất cả những lời thuyết giáo của Crum-ma-khor; những giáo lý ấy không thể hiện ra mạnh mẽ như thế chỉ ở những chỗ mà ông ta nói đến sự đối lập giữa sự xa hoa trên thế gian và sự khiêm nhường của Cri-xto, hoặc giữa sự ngạo mạn của những vua chúa thế tục và sự khiêm hãnh của thượng đế. ở đây rất lắm lúc vẫn còn vang vọng dư âm của chủ nghĩa mị dân trước kia của ông ta, và nếu như ông ta không nói những câu chung chung như vậy, thì chính phủ sẽ không thể bỏ qua những lời thuyết giáo của ông ta.

ở En-bơ-phen-đơ chỉ có rất ít người ca ngợi giá trị thẩm mỹ của những lời thuyết giáo của ông ta; bởi vì, nếu đem ba người đồng sự của ông ta - hầu như mỗi người trong ba người đó đều có một đám thính giả đông như nhau - so sánh với ông ta, thì ông ta sẽ là một con số nguyên, còn những người kia chỉ là những con số không đứng bên cạnh ông ta, dùng để đề cao giá trị của ông ta mà thôi. Con số già nhất trong những con số không ấy tên là Côn, cái tên gọi ấy đồng thời cũng nói lên đặc điểm của những lời thuyết giáo của ông ta; con số không thứ hai tên là Héc-man, ông này tuyệt nhiên không phải là con cháu của Héc-man, mà hiện nay họ đang dựng tượng kỷ niệm, một cái tượng phải tồn tại lâu hơn cả lịch sử và Ta-xít; con số không thứ ba tên là Ban, một quả bóng đá của Crum-ma-khor; cả ba đều hết sức chính thống và trong khi thuyết giáo, họ bắt chước những mặt xấu của những lời thuyết giáo của Crum-ma-khor. Những mục sư phái Lu-the ở En-bơ-phen-đơ là Dan-đơ và Huyn-xman; trước kia họ là những kẻ thù không đội trời chung khi Dan-đơ còn giảng đạo ở Vich-slinh-hau-den và tham gia một cuộc tranh cãi khét tiếng với Huyn-xman, anh em đồng sự hiện nay của mình; Huyn-xman lúc đó giảng đạo ở Đa-lơ, hiện giờ ở Len-nép. Giờ đây, với địa vị hiện nay của họ, họ đối xử với nhau lịch thiệp,

nhưng phái kiên thành lại cố sức gọi lên mối bất hòa, bằng cách luôn luôn trách cứ Huyn-xman đủ thứ lỗi lầm chống Đan-đơ. Người thứ ba trong bọn họ là Đuê-rinh, ông này có một sự đáng trí rất độc đáo: ông ta không thể nối liền ba câu nói lại với nhau, nhưng trái lại có thể làm cho bài giảng đạo gồm ba phần thành ra bốn phần, nhắc lại từng phần không sai một chữ mà chẳng hề để ý tới việc đó. Probatum est. Dưới đây sẽ nói đến những bài thơ của ông ta.

Các nhà thuyết giáo ở Bác-men chẳng khác gì nhau mấy: tất cả đều chính thống một cách nghiêm ngặt, ít nhiều có pha lẫn chủ nghĩa kiên thành. Duy chỉ có Stia ở Vich-slinh-hau-den là đáng được chú ý một chút. Nghe đâu là Giảng Pôn có biết ông ta hỏi ông ta còn bé và đã tìm thấy ở ông ta những năng khiếu tuyệt vời. Stia đã từng làm mục sư ở Phran-clê-ben gần vùng Ha-lơ, lúc bấy giờ ông ta đã xuất bản một số sách kinh viết bằng thơ và bằng văn xuôi, đã tái bản có sửa chữa cuốn sách vấn đáp về đạo Lu-the, thay thế cho nguyên bản, và một cuốn sách chỉ nam không dày lắm dành cho các thầy giáo kém năng lực, cũng như xuất bản một cuốn sách nhỏ nói về thiếu sót của tập thánh ca của giáo hội ở tỉnh Dắc-den; cuốn sách nhỏ này đã được đánh giá rất cao trong tờ báo "Evangelische Kirchen-zeitung" và ít ra cũng chứa đựng những quan điểm hợp lý hơn về những bài ca của giáo hội so với những quan điểm đang được lưu hành trong cái vùng Vúp-pơ-tan hết sức hạnh phúc này, tuy rằng trong cuốn sách đó đôi khi cũng có những luận đoán thiếu căn cứ. Thơ của chính bản thân Stia thì hết sức nhạt nhẽo; ông ta cũng nổi danh ở chỗ làm cho vài bài thơ có tính chất sùng bái ngẫu tượng của Si-lơ có thể chấp nhận được đối với những tín đồ chính thống; chẳng hạn, ông ta đã cải biên những câu thơ trong bài "Các vị thần Hy Lạp" như sau:

*Khi sức mạnh tội lỗi của các ngài Đang còn ngự trị thế giới,
Các ngài, những vị thần đến từ đất nước bóng đêm,
Đã dẫn loài người từ đời này sang đời khác!
Sự thờ cúng tội lỗi đối với các ngài bấy giờ đầy hương khói,
Hoàn toàn khác với điều mà tôi thấy hiện nay,
Loài người đã tôn kính đền thờ của người,
Hỡi thần Vệ nữ A-ma-tu-di-a!*

Quả là ý nhị, thậm chí thật là bí ẩn! Stia sống ở Vich-slinh-hau-den thay cho Đan-đơ đã nửa năm rồi, nhưng cho đến nay ông ta vẫn chưa làm cho sách báo của thành phố Bác-men phong phú thêm.

Lăng-ghen-béc, một thị trấn nhỏ gần En-bơ-phen-đơ, theo toàn bộ tính chất của nó, thì cũng thuộc về Vúp-pơ-tan. Cũng một nền công nghiệp như thế, cũng một tinh thần kiên thành như thế. ê-min Crum-ma-khơ, em của Phri-đrich Vin-hem, hiện đang giảng đạo ở đây; ông ta không phải là một tín đồ nghiêm cách của học thuyết tiền định như Phri-đrich, nhưng rất hay bắt chước ông này, như đoạn sau đây trong bài giảng gần đây của ông ta nhân dịp lễ giảng sinh cho thấy:

"Thế xác trần tục của chúng ta tuy còn ngồi ở đây trên những chiếc ghế gỗ dài, nhưng linh hồn của chúng ta đang cùng với hàng triệu tín đồ bay lên tận ngọn núi thánh và tại đây đang lắng nghe niềm hân hoan của thiên binh, rồi sau đó lại hạ xuống Bét-lê-hem cùng khổ. Và chúng thấy những gì tại đây? Thoạt đầu thấy một cái chuồng thảm hại, trong cái chuồng hết sức thảm hại ấy là những cái máng ăn thảm hại, và trong những cái máng ăn rất thảm hại ấy là những rơm cỏ rất thảm hại, còn trên đồng rơm cỏ rất thảm hại ấy thì thấy vị chúa tể vĩ đại của thế giới, như một đứa bé thảm hại của người nghèo, đang nằm trong những chiếc tã thảm hại".

Bây giờ có lẽ cũng nên nói vài lời về trường tiểu chủng viện, nhưng "Tiếng thụ cầm" của một người nguyên là mục sư, đã được nhắc tới trước đây trong tạp chí này, là một bằng chứng đầy đủ tỏ rõ ở đây đang thịnh hành một tinh thần như thế nào. Vả lại, vị giám hiệu của trường này, tiến sĩ Ri-stơ, một học giả lớn, một nhà đông phương học và một nhà khoa học tự nhiên nổi tiếng - cũng xuất bản cuốn "Kinh thánh diễn nghĩa dùng trong nhà".

Đó là những việc làm của phái kiên thành ở Vúp-pơ-tan; khó mà tưởng tượng được rằng trong thời đại chúng ta lại có thể có tất cả những chuyện như vậy; song hình như ngay cả cái tảng đá của chủ nghĩa ngu dân cũ ấy cũng không còn có thể đứng vững được trước dòng thác cuốn cuộn của thời đại: hạt cát sẽ bị dòng nước cuốn đi và tảng đá sẽ đổ ập xuống.

Báo Telegraph für Deutschland số 57 tháng 4/1839

Hiển nhiên rằng, ở một vùng mà chủ nghĩa kiên thành thâm nhập đến mức như vậy, thì tinh thần kiên thành ấy, trong khi lan ra khắp mọi hướng, ắt phải thấm sâu vào tất cả mọi mặt của đời sống và ảnh hưởng tai hại đến những mặt đó. Tinh thần ấy tác động chủ yếu là vào sự nghiệp giáo dục, trước hết là các trường nhân dân. Một bộ phận các trường quốc lập hoàn toàn nằm trong tay phái kiên thành; đó là những trường dòng, mỗi xã có một trường. Những trường nhân dân khác, tuy vẫn còn bị đặt dưới sự giám sát của hội đồng bảo trợ của giáo hội, nhưng vẫn được tự do hơn nhiều, vì những trường này chịu ảnh hưởng của cơ quan dân sự nhiều hơn. Do vậy, người ta có thể thấy rất rõ ảnh hưởng kìm hãm của chủ nghĩa thần bí, bởi vì trong khi các trường dòng, giống như thời còn mờ mịt hầu tước Các-lơ Tê-ô-đô, ngoài việc dạy cho học sinh đọc, viết và làm tính, chỉ nhồi nhét cho chúng sách vấn đáp giáo lý, thì các trường khác vẫn dạy một số khoa học nhập môn và cả một ít tiếng Pháp nữa, thành thử rất nhiều học sinh nhờ ảnh hưởng đó mà ngay cả sau khi đã tốt nghiệp rồi vẫn còn tìm cách tiếp tục học tập. Những trường này phát triển rất nhanh, và từ khi thực hành chế độ quản lý Phổ thì vượt xa những trường dòng mà trước kia chúng thua kém rất nhiều. Nhưng người ta vẫn thích học trường dòng hơn rất nhiều, bởi vì học phí của trường dòng rẻ hơn rất nhiều, và nhiều bậc cha mẹ vẫn gửi con cái mình đến đó học, một phần là do lòng sùng đạo, một phần là vì họ cho rằng về phương diện phát triển trí lực của trẻ em thì cần dựa vào tinh thần tôn giáo mà tăng cường tinh thần thể tục.

Trong số những trường học loại cao, thành phố Vúp-pơ-tan có ba trường phải tự mình bỏ kinh phí ra: ở Bác-men có trường thị lập; còn ở En-bơ-phen-đơ có trường trung học tân khoa và trường trung học.

Trường thị lập ở Bác-men được cấp kinh phí rất ít, do đó rất thiếu giáo viên, nhưng nó vẫn làm tất cả những gì mà nó có thể làm được. Trường này hoàn toàn nằm trong tay một hội đồng bảo trợ keo kiệt và thiếu cận, hội đồng này trong phần lớn các trường hợp cũng chỉ lựa chọn giáo viên trong số những tín đồ thuộc phái kiên thành. Ông giám hiệu cũng chẳng xa lạ gì với giáo phái này, nhưng trong khi thừa hành nhiệm vụ của mình, ông vẫn tuân theo những nguyên tắc cứng rắn và biết cách chỉ ra rất khéo cho mỗi thầy giáo biết rõ địa vị của mình. Tiếp sau ông giám hiệu ấy là ngài I-ô-han I-a-cốp ê-vích; ông này biết dạy tốt theo một cuốn sách giáo khoa tốt, và trong việc giảng dạy lịch sử, ông là một môn đồ hăng hái của hệ thống Nuê-xen chủ trương kể những câu chuyện vui. Ông là tác giả của nhiều trước tác về mặt giáo dục, trong đó có một tác phẩm lớn nhất - cố nhiên là xét về mặt khối lượng - tên gọi là "Người nhân đạo", do nhà xuất bản Ba-ghen ở Vê-den in thành hai tập, 40 tờ, giá một đồng ta-le. Toàn bộ trước tác của ông ta đầy những tư tưởng cao cả, những nguyện vọng tốt đẹp và những phương án không thể thực hiện được. Người ta nói rằng thực tiễn sự phạm của ông ta tụt lại rất xa so với cái lý luận đẹp đẽ của ông ta.

Tiến sĩ Phi-líp Si-phlin, giáo viên chủ nhiệm thứ hai, là một nhà giáo dục giỏi nhất của trường này. Có lẽ ở nước Đức không ai hiểu biết một cách sâu sắc kết cấu ngữ pháp tiếng Pháp hiện đại như ông ta. Ngôn ngữ được ông ta lấy làm cơ sở không phải là ngôn ngữ rô-manh cổ, mà là ngôn ngữ cổ điển của thế kỷ trước, đặc biệt là ngôn ngữ của Vôn-te, và từ Vôn-te ông ta chuyển sang văn phong của các tác giả hiện đại. Kết quả của những công trình nghiên cứu của ông ta được trình bày trong cuốn "Hướng dẫn học tập tiếng Pháp, gồm ba tập", trong đó tập thứ nhất và tập thứ hai đã được xuất bản vài lần, còn tập thứ ba thì cũng sẽ ra mắt nay mai trong dịp lễ Phục sinh. Không còn nghi ngờ gì nữa, ngoài cuốn sách giáo khoa tiếng Pháp do Cơ-nê-ben biên soạn, thì đây là một cuốn sách giáo khoa tiếng Pháp tốt nhất mà chúng ta hiện có; ngay sau khi xuất bản tập thứ nhất, cuốn sách giáo khoa này đã được khắp nơi hoan nghênh và hiện nay hầu như được truyền bá một cách chưa từng thấy trong khắp nước Đức và cho đến tận Hung-ga-ri và các tỉnh ven bờ biển Ban-tích nước Nga nữa.

Những giáo viên còn lại đều là những thanh niên vừa mới tốt nghiệp trung học, trong đó có một số được đào tạo có căn bản, một số khác thì ôm nặng một mớ lộn xộn đủ mọi thứ kiến thức. Trong số giáo viên trẻ ấy có ông Cuê-xơ, bạn của Phrai-li-grát, là một giáo viên giỏi nhất; trong một cuốn sách tham khảo cho giáo viên, có một bài khái luận của ông ta về thi ca, trong đó ông hoàn toàn loại trừ loại thơ giáo huấn, còn những loại mà người ta thường gán cho nó thì ông ta liệt vào loại sử thi và thơ trữ tình; bài này chứng tỏ sự am hiểu vấn đề và sự sáng sủa của tư tưởng. Người ta mời ông ta đến Đuyt-xen-đoóc-phơ và vì các ngài trong hội đồng bảo trợ biết ông ta là kẻ thù của mọi thứ chủ nghĩa kiền thành, cho nên rất vui lòng để cho ông ta đi. Một giáo viên khác thì trái ngược lại với ông ta, giáo viên này, khi một học sinh lớp 4 hỏi Gơ-tơ là ai, đã đáp "là một kẻ vô thần".

Trường trung học tân khoa ở En-bơ-phen-đơ được cấp kinh phí rất dồi dào; vì vậy nó có thể lựa chọn những thầy giáo giỏi nhất và tổ chức giáo trình đầy đủ hơn. Nhưng trong trường thì thịnh hành một chế độ nhồi sọ đến phát khiếp, khiến cho học sinh trong vòng nửa năm đã có thể biến thành kẻ đần độn. Nhân tiện cũng xin nói rằng ban giám hiệu nhà trường ít khi làm cho người ta cảm thấy sự có mặt của họ: hiệu trưởng thường nửa năm đi vắng và chỉ khi xử lý việc gì hết sức nghiêm khắc thì người ta mới thấy sự có mặt của ông ta. Kết hợp với trường trung học tân khoa là trường dạy nghề; tại đây học sinh phải bỏ một nửa cuộc đời mình vào các loại bản vẽ. Trong các thầy giáo, đáng chú ý có tiến sĩ Cru-đơ; ông ta đã ở sáu tuần lễ tại nước Anh và đã viết một cuốn sách nhỏ về phát âm tiếng Anh, điểm nổi bật của cuốn sách này là nó hoàn toàn vô dụng; tiếng tăm của học sinh trường này rất xấu, khiến cho Đì-xơ-vếch có lý do than phiền về thanh niên En-bơ-phen-đơ.

Trường trung học En-bơ-phen-đơ ở trong hoàn cảnh rất eo hẹp, nhưng được công nhận là một trong những trường học tốt nhất ở nước Phổ. Nó là tài sản của hội cải cách tôn giáo, nhưng rất ít chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa thần bí của hội ấy, bởi vì các giáo sĩ không được nhà trường quan tâm đến, còn những ủy viên của hội đồng bảo trợ thì chẳng hiểu gì công việc của nhà trường, vì thế nhà trường lại càng phải chịu đựng sự keo kiệt của họ. Các ngài ấy không hề có một khái niệm về những ưu điểm của nền giáo dục trung học Phổ, ra sức cung cấp cho trường trung học tân khoa tất cả mọi thứ - kinh phí và học sinh, - còn đối với trường trung học thì họ chê trách rằng học phí thậm chí cũng không trang trải được những khoản chi của nhà trường. Hiện nay đang diễn ra những cuộc thương lượng về việc chuyển giao trường trung học cho chính phủ, chính phủ rất quan tâm đến việc này; nếu việc chuyển giao không thành, thì mấy năm nữa trường sẽ phải đóng cửa vì thiếu tiền. Việc tuyển lựa thầy giáo hiện nay cũng nằm trong tay các ủy viên hội bảo trợ, những người này quả thực là có thể ghi rất chính xác một khoản này hay một khoản khác vào sổ cái, nhưng chẳng hiểu gì về tiếng Hy Lạp, tiếng la-tinh hoặc toán học. Nguyên tắc chọn lựa chủ yếu của họ là: chọn một người vô tài thuộc phái cải cách còn hơn chọn một người thông thạo công việc thuộc phái Lu-the, hoặc - điều này lại càng tệ hơn - chọn một tín đồ Thiên chúa giáo. Nhưng vì trong số những nhà ngôn ngữ học Phổ, phái Lu-the đông hơn nhiều so với phái cải cách, cho nên trên thực tế, hội đồng bảo trợ hầu như chưa bao giờ có thể theo đúng nguyên tắc của mình.

Tiến sĩ Han-sơ, giáo sư và quyền hiệu trưởng, sinh tại Lú-câu vùng Lau-dit-xơ, làm thơ và viết văn xuôi bằng tiếng la-tinh của Xi-xê-rôn và là tác giả của nhiều bài thuyết giáo, nhiều bài luận văn về giáo dục học và một cuốn sách giáo khoa dạy tiếng Hê-brơ. Nếu như ông ta không phải là người thuộc phái Lu-the, và nếu như hội đồng bảo trợ không keo kiệt đến như thế, thì ông ta đã là một hiệu trưởng chính thức từ lâu rồi.

Tiến sĩ Ai-sơ-hốp, một giáo viên chủ nhiệm thứ hai, đã cùng với một đồng sự trẻ hơn ông, tiến sĩ Ben-tơ, đã viết một cuốn ngữ pháp tiếng la-tinh; nhưng bài phê bình của Ph.Ha-dơ đăng trong tờ "Allgemeine Literatur-Zeitung" đánh giá cuốn sách ấy không cao lắm. Sở trường của ông ta là tiếng Hy Lạp.

Tiến sĩ Clau-den, giáo viên chủ nhiệm thứ ba, rõ ràng là một người giỏi nhất toàn trường, một giảng viên am hiểu tất cả các môn, tinh thông lịch sử và văn học. Lối trình bày của ông ta hấp dẫn lạ thường; ông là người duy nhất biết làm cho học sinh thích thú thơ ca, - một sự thích thú mà nếu không thế thì chắc đã bị tàn lụi đi một cách thảm hại nhất trong đám người phi-li-xtanh ở Vúp-pơ-tan. Theo tôi được biết thì với tư cách là nhà trước tác, ông ta chỉ viết có một tác phẩm phương pháp luận khoa học đề tài "Pin-đa-nhà thơ trữ tình", cuốn sách này đã làm

cho ông rất nổi tiếng trong giới giáo viên trung học trong và ngoài nước Phổ. Đường nhiên cuốn sách đó không đem bán trên thị trường sách.

Cả ba trường đó đều mới thành lập năm 1820; trước đây ở En-bơ-phen-đơ và ở Bác-men chỉ có một trường sơ học năm lớp và nhiều trường tư thục; những trường này không thể đem lại một học vấn đầy đủ. Hậu quả của tình hình đó còn thể hiện rõ ở thế hệ thương nhân già vùng Bác-men. Học vấn thì chẳng có gì cả; ai mà biết đánh bài hoặc chơi bi-a, biết đàm luận tí chút về chính trị và nói một câu xã giao hay ho thì ở En-bơ-phen-đơ và ở Bác-men, đều được coi là người có học thức. Lối sống của những người này thật là đáng sợ, nhưng họ lại cảm thấy tuyệt trần; ban ngày họ vùi đầu vào việc buôn bán, lao mình vào công việc đó một cách say sưa và hứng thú đến mức thật khó mà tin được; buổi tối, đến một giờ nhất định, tất cả bọn họ tụ họp lại thành từng đám, đánh bài tiêu khiển, đàm luận về chính trị, hút thuốc và khi đồng hồ điểm chín giờ thì họ trở về nhà. Cuộc sống của họ ngày này sang ngày khác trôi qua như vậy, không mấy may thay đổi, và khốn thay cho kẻ nào vi phạm lối sống đó; kẻ đó có thể tin chắc rằng tất cả các nhà giàu sang trong thành phố sẽ đối xử với mình không chút xót thương. - Những người cha thì sốt sắng chỉ ra cho thanh niên con đường ấy; con cái đến lượt chúng lại cũng mong muốn nối gót theo cha. Những chủ đề câu chuyện của họ rất là đơn điệu: người vùng Bác-men nói nhiều hơn về ngựa, người vùng En-bơ-phen-đơ thì lại nói nhiều hơn về chó, còn khi họ cao hứng lên, thì họ bắt đầu bình phẩm về bề ngoài của những người đàn bà xinh đẹp hoặc tán gẫu về chuyện buôn bán, và đó là tất cả những câu chuyện của họ. Họ hoàn họ cũng nói đến văn học, và họ hiểu văn học là những tác phẩm của Pôn đơ Cốc, Ma-ri-ết, Tô-rôm-lít, Ne-xơ-rôi và những tác giả tương tự. Về chính trị, với tư cách là những người Phổ chính cống - bởi vì họ đang ở dưới nền thống trị Phổ, - họ a priori kiên quyết thù địch với mọi thứ chủ nghĩa tự do, nhưng tất cả những cái đó chỉ còn khi nào nhà vua vui lòng duy trì bộ luật của Na-pô-lê-ông cho họ, bởi vì một khi bộ luật ấy bị bãi bỏ thì tất cả chủ nghĩa yêu nước của họ cũng biến mất. Chẳng ai hiểu được ý nghĩa văn học của nhóm "Nước Đức trẻ", họ coi đó như là một hội bí mật, một cái gì giống như phái mị dân, do các ngài Hai-nơ, Gút-xcốp, Mun-tơ chủ trì. Một vài người trong số những chàng thanh niên cao quý có lẽ đã đọc một tác phẩm nào đó của Hai-nơ, có thể là đã đọc "Phong cảnh trên đường", mà không đọc những bài thơ trong đó, hoặc đã đọc "Kẻ tố giác", nhưng những tác phẩm khác thì họ chỉ có một số khái niệm mờ mờ qua ý kiến của các mục sư và quan chức. Cá nhân bọn họ phần lớn đều biết rõ Phrai-li-grát, coi ông là một người bạn tốt. Sau khi ông đến Bác-men, những vị quý tộc non choẹt ấy (ông gọi những thương nhân trẻ tuổi ấy như vậy) đến vây quanh thăm hỏi ông; nhưng chẳng bao lâu ông đã hiểu được những người mà ông tiếp xúc là hạng người nào và tránh giao thiệp với họ; nhưng họ vẫn bám riết ông, ca tụng thơ và rượu của ông, và cố hết sức chèn tạc chèn thù với một người đã có trước tác nào đó được in, bởi vì đối với những người này, thì nhà thơ chẳng là gì cả, nhưng tác giả có trước tác được in là tất cả. Dần dần Phrai-li-grát cắt đứt hẳn mọi sự giao tiếp với những người này và hiện nay ông chỉ tiếp xúc với một số rất ít người, sau khi Cuê-xơ rời Bác-men. Những người chủ của Phrai-li-grát, trong hoàn cảnh khó khăn chút ít của họ, vẫn luôn luôn tỏ ra kính trọng và thân ái đối với ông; và điều đáng ngạc nhiên nhất là, ông là một người làm công cho hiệu buôn hết sức cẩn thận và hăng hái. Nói đến những thành tựu thơ ca của ông là hoàn toàn thừa sau khi đã có những bài bình luận rất tỉ mỉ về ông do Đin-ghen-stết viết trong "Jahrbuch der Literatur" và Ca-ri-e viết trong "Berliner Jahrbucher". Nhưng tôi vẫn cảm thấy rằng cả hai ông này đều chưa chú ý đầy đủ đến một điều là, tuy tư tưởng của Phrai-li-grát vươn đi rất xa, nhưng lòng quyến luyến của ông đối với tổ quốc vẫn hết sức mãnh liệt. Chứng tỏ điều đó là những chủ đề thường gặp ở ông về những chuyện cổ dân gian như "Nàng công chúa ếch" (tr.54), "Nàng Bạch tuyết" (tr.87) và những chủ đề của những chuyện cổ tích khác được viết thành cả một bài thơ ("Trong rừng", tr.157); chứng tỏ điều đó còn có những đoạn ông phỏng theo tác phẩm của U-lan ("Con chim ưng thuần dưỡng", tr.82; "Những người phò mộc", tr.85; vinh dự thay cho U-lan, bài thứ nhất trong hai bài thơ điệu văn của Phrai-li-grát cũng nhắc ta nhớ tới tác giả đó), rồi đến "Những kẻ đi đày" và trước hết là trước tác "Hoàng tử Oi-ghen", tuyệt tác vô song của ông. Phrai-li-grát càng quay sang phía ngược lại bao nhiêu, thì một số ít yếu tố nêu trên càng đáng chú ý bấy nhiêu. Tác phẩm "Nhà thơ trong cảnh lưu vong", đặc biệt là một số đoạn đăng trong "Morgenblatt" cũng cho phép người ta nhìn sâu vào tâm hồn của ông; ở đây ông đã cảm thấy rằng chừng nào ông chưa gần gũi với thơ ca thật sự của Đức, thì

thế giới xa xăm vẫn chưa mở ra trước mặt ông.

Báo Telegraph für Deutschland số 59 tháng 4/1839

Trong sách báo chính cống của Vúp-pơ-tan, báo chí giữ một vị trí cực kỳ quan trọng. Đứng hàng đầu là tờ "Elberfelder Zeitung" do tiến sĩ Mác-tin Run-ken chủ biên; dưới sự lãnh đạo khéo léo của ông, tờ báo này đã có tiếng tăm rất lớn và hoàn toàn xứng đáng. Ông đã đảm nhận việc chủ biên khi hai tờ báo "Allgemeine" và "Provinzialzeitung" hợp nhất lại làm một; tờ báo này ra đời với một triển vọng tương lai không tốt đẹp cho lắm; đối thủ cạnh tranh của nó là tờ "Barmer Zeitung", nhưng Run-ken - nhờ việc ông cố tạo nên một mảng lưới thông tin viên của mình và nhờ những bài xã luận của mình - đã dần dần làm cho tờ "Elberfelder Zeitung" biến thành một trong những tờ báo hàng nhất của nước Phổ. Thật ra ở En-bơ-phen-đơ, nơi mà xã luận chỉ được một số rất ít người đọc, thì tờ báo này không có tiếng tăm mấy, nhưng ở những địa phương khác tiếng tăm của nó rất lớn; có thể là sự suy sụp của tờ "Prebische Staats-Zeitung" cũng đã góp phần vào tình hình đó. Tờ phụ trương văn nghệ "Intelligenzblatt" cũng không vượt quá mức bình thường. Tờ "Barmer Zeitung", một tờ báo mà người phát hành, người biên tập và người duyệt bài thường thay đổi luôn, hiện nay do H.Puýt-man chủ biên; ông này thường hay viết những bài bình luận trên tờ "Abend-Zeitung". Ông rất muốn cải tiến tờ báo này, nhưng sự keo kiệt có căn cứ khá xác đáng của người phát hành làm cho ông bị bó tay. Cột tiểu phẩm cũng không làm cho tình hình tốt lên, vì cột báo này chỉ toàn đăng một vài bài thơ của Puýt-man, một vài bài bình luận hoặc những đoạn trích trong các tác phẩm lớn hơn. Với tư cách là phụ trương của báo này, tờ "Wupperthaler Lesekreis" hầu như chỉ lấy tài liệu của tạp chí "Europa" do Lê-van-đơ chủ biên. Ngoài ra, còn có tờ "Taglicher Anzeiger" ở En-bơ-phen-đơ cùng với tờ "Fremdenblatt" - thừa kế tờ "Dorfzeitung" - mà không ai sánh kịp về mặt thơ ca sục sùi và những sự hóm hỉnh nhạt nhẽo của nó, cũng như cái mũ ngù cũ rách là tờ "Barmer Wochenblatt", luôn luôn để lộ đôi tai lừa của phái kiền thành dưới cái bộ da sư tử văn chương của nó.

Trong các hình thức văn học khác, thì văn xuôi là một thứ chẳng có giá trị gì cả; nếu vứt bỏ những bài báo có tính chất thần học, hay nói cho đúng hơn, những bài của phái kiền thành và một vài cuốn sách nhỏ về lịch sử của Bác-men và En-bơ-phen viết rất hời hợt, thì văn xuôi chẳng còn gì nữa. Nhưng thơ ca thì lại thành công rất lớn trong cái "thung lũng hạnh phúc" này, và khá nhiều nhà thơ đã chọn thung lũng ấy làm nơi trú ngụ.

Vin-hem Lãng-gơ-vi-sơ, một người bán sách ở Bác-men và I-dơ-lôn, lấy bút danh là V.I-ê-man; tác phẩm chủ yếu của ông ta là vở bi kịch có tính chất giáo huấn "Người Do Thái lưu lạc", tác phẩm này cố nhiên không hay bằng tác phẩm cùng một chủ đề do Mô-den biên soạn. Ông ta là một nhà xuất bản lớn nhất trong số những đối thủ cạnh tranh của mình ở Vúp-pơ-tan, và lại điều này cũng chẳng khó khăn gì, bởi vì hai nhà trong số đó - Hát-xen ở En-bơ-phen-đơ và ông Stai-nơ-hau-đơ ở Bác-men - chỉ xuất bản những tác phẩm của phái kiền thành. Phrai-li-grát sống tại nhà ông ta.

Các-lơ Au-gu-xơ Đuê-rinh, một nhà truyền giáo ở En-bơ-phen-đơ, là tác giả của nhiều tác phẩm văn xuôi và thơ; câu nói sau đây của Pla-ten có thể dùng cho những tác phẩm ấy: "Chúng là dòng sông ngập nước, không ai vượt qua được".

Ông chia thơ của mình thành thánh ca, đoản ca và thơ trữ tình. Thường thường khi viết đến giữa bài thơ, thì ông ta quên mất là đã bắt đầu từ cái gì và sẽ đi đến đâu: từ những hòn đảo ở Thái Bình Dương với những nhà truyền giáo ở đó ông đi xuống địa ngục, và từ những tiếng thở dài của một linh hồn đau khổ lại bay tới những tảng băng ở Bắc cực.

Lít, hiệu trưởng của trường nữ ở En-bơ-phen-đơ là tác giả của những bài thơ cho nhi đồng; phần lớn các bài thơ ấy đều viết theo một cách đã lỗi thời và không thể nào sánh nổi với thơ của Ruých-kéc, Guy-lơ và Hai, nhưng trong đó cá biệt cũng có những bài không tồi lắm.

Phri-đrich Luýt-vich Vuyn-phinh - đó mới là một nhà thơ thật sự vĩ đại của Vúp-pơ-tan; sinh tại Bác-men, ông là một người mà thiên tài không ai có thể phủ nhận được. Người dài ngoẵng, tuổi trạc bốn mươi lăm, mặc một chiếc áo màu nâu đỏ dài, một cái áo mà chỉ có người trẻ hơn ông một nửa mới có thể mặc được; trên hai vai là một cái đầu không thể nào tả được, trên mũi

là một đôi kính mạ vàng, đôi mắt sáng ngời nhìn thấu qua mặt kính; đầu đội cái mũ nhỏ màu xanh lá cây, mồm ngậm một bông hoa, tay vịn về một cái cút mà ông ta vừa mới vịn ra từ chiếc áo, - đó là Ho-ra-xơ xứ Bác-men của chúng ta. Ngày ngày ông ta dạo chơi trên Hác-tơ-béc mong gặp may tìm được một vần thơ mới hoặc một người yêu mới. Trước tuổi ba mươi, chàng trai không hề biết một mối này đã từng sùng bái A-tê-nê Pa-la-xơ, sau đó lại say mê A-phrô-đít, nữ thần này đã liên tiếp ban cho ông ta chín cô nàng Đuyn-xi-nê - đó chính là những nàng thơ của ông ta. Dầu rằng Gơ-tơ biết tìm thấy trong mỗi hiện tượng khía cạnh thơ của nó, hoặc dầu rằng Pê-tơ-rác có thể làm cho mỗi cái nhìn, mỗi lời nói của người yêu biến thành một bài thơ mười bốn dòng, nhưng họ vẫn còn xa mới đuổi kịp Vuyn-phinh. Có ai coi hạt cát dưới bàn chân là người yêu không? Thế mà ông Vuyn-phinh vĩ đại lại làm như vậy đấy. Có ai đi ca tụng đôi tất lấm bùn trên đồng lầy của Min-sen (Cli-ô trong đám chín nàng thơ) không? Chỉ có ông Vuyn-phinh. - Những bài thơ trào phúng của ông là những kiệt tác của sự thô tục dân gian thật sự. Khi người vợ thứ nhất của ông chết, ông đã viết một bản cáo phó khiến cho tất cả những cô hầu gái cảm động đến rơi nước mắt và một bài ai ca còn tuyệt tác hơn nữa là "Vin-hem-mi-nơ - cái tên đẹp nhất!" Sáu tuần lễ sau, ông lại lấy vợ, và bây giờ ông đã có người vợ thứ ba. ở cái con người đầy sáng kiến ấy mỗi ngày đều có những phương án mới. Trong lúc thơ ca của ông đang thời kỳ cực thịnh, ông dự định khi thì làm người đơm khuy áo, khi thì làm nhà nông, khi thì làm người buôn giấy; cuối cùng ông sa vào cái bến vắng của nghề làm nến để bằng cách này hay cách khác đốt cháy ngọn đuốc của mình. Những tác phẩm của ông chẳng qua chỉ là hạt cát trên bờ biển mà thôi.

Môn-ta-nút ê-rê-mi-ta, một tác giả giấu tên ở Dô-lin-ghen, phải được liệt vào nhóm này với tư cách là một người lảng giềng và người bạn. ông ta là một nhà nghiên cứu lịch sử có tâm hồn thơ nhất trong vùng Béc-gơ; thơ của ông buồn tẻ và tầm thường hơn là vô nghĩa.

I-ô-han Pôn, một mục sư ở Hê-đơ-phen, gần I-dơ-lôn, đã ra một tập thơ, cũng thuộc vào loại này.

Thượng đế ban cho chúng ta những ông vua và những giáo sĩ;

Nhưng thi hào Gơ-tơ chỉ có thể từ người trần mắt thịt đến thế gian.

Căn cứ theo câu thơ đó, các bạn có thể nhận định về cái tinh thần quán triệt toàn bộ tập thơ.

Nhưng Pôn không thiếu hóm hỉnh, bởi vì ông ta nói: "Nhà thơ là ngọn đuốc, còn nhà triết học là những cô đầy tớ gái của chân lý". Song mấy dòng đầu của bài thơ tự sự "At-ti-la trên sông Mác-nơ" của ông thì thật là đầy óc tưởng tượng:

Sắc như lưỡi kiếm và hòn đá, giống như thác tuyết ào ào,

Cái roi của Thượng đế xuyên qua cảnh đổ nát hoang tàn và lửa, lao tới xứ Gô-lơ.

ông cũng soạn những bài thánh ca, nói cho đúng hơn, ông đã tập hợp những mẫu trong các thánh ca của Đa-vít. Việc làm vĩ đại nhất của ông là ông đã ca tụng vụ tranh cãi giữa Huyn-xman và Dan-đơ, hơn nữa lại ca tụng một cách hết sức độc đáo: bằng thơ trào phúng. Tư tưởng chính là ở chỗ những kẻ duy lý dám dùng lời lẽ hỗn láo phủ nhận đấng có tên là Thượng đế.

Cả Phốt-xơ lẫn Slê-ghen chưa bao giờ kết thúc bài thơ lục ngôn bằng những vần tuyệt vời như thế. Pôn phân chia thơ của mình hay hơn so với Đuê-rinh: ông ta chia chúng thành "thánh ca và ca khúc" và "thơ hỗn hợp".

Ph.V.Cruc, thạc sĩ thần học, tác giả "Những bài thơ đầu tay hay là những di vật văn xuôi", người dịch vài cuốn sách giảng đạo tiếng Hà Lan và tiếng Pháp, cũng đã viết một tập truyện ngắn cảm động theo phong cách của Sti-ling, trong tập đó có nêu bằng chứng mới nói rằng câu chuyện của Mô-i-dơ về việc sáng lập thế giới là có thật. Quả là một cuốn sách tuyệt diệu!

Cuối cùng, tôi còn phải nhắc đến một anh chàng trẻ tuổi thông minh, anh ta lập luận rằng nếu Phrai-li-grát có thể vừa là người làm công hiệu buôn, vừa là nhà thơ, thế thì tại sao anh ta lại không thể như thế. Chắc chắn là chẳng bao lâu nữa, văn học nước Đức sẽ phong phú thêm nhờ một vài truyện ngắn của anh ta, những truyện ngắn này chẳng thua kém gì những tác phẩm hay nhất trong số những tác phẩm hiện có; khuyết điểm duy nhất mà người ta có thể chỉ trích những truyện ngắn ấy là: đề tài cũ kỹ, chủ ý chưa chín, văn phong cầu thả. Tôi sẽ sẵn lòng trích dẫn một vài đoạn của một chuyện nào đó trong số những chuyện ấy, nếu như sự lịch thiệp cho phép, nhưng có thể sắp tới đây, một nhà xuất bản nào đó thương hại ông Đ. vĩ đại (tôi không dám nói rõ tên khiến cho lòng khiêm tốn bị tổn thương có thể thúc đẩy ông ta phát đơn kiện tôi về tội làm nhục) và đem xuất bản những chuyện ngắn của ông ta. ông ta cũng muốn làm

người bạn thân của Phrai-li-grát.

Đây là tất cả những hiện tượng văn học của cái lũng sông nổi tiếng này. Có lẽ cũng nên nêu thêm vào đó một vài thiên tài hùng mạnh bốc lên vì rượu, thỉnh thoảng thử sức mình trong việc gieo những vần thơ tồi. Tôi rất muốn giới thiệu họ với tiến sĩ Đu-lơ với tư cách là những nhân vật của cuốn tiểu thuyết mới của ông. Cả vùng này đều bị chìm ngập trong cái biển cả của chủ nghĩa kiền thành và chủ nghĩa nguy hiểm, nhưng những cái nổi lên trên tất cả những thứ ấy không phải là những hòn đảo xinh đẹp đầy hoa, mà chỉ toàn là những mỏm đá cằn cỗi trơ trụi hoặc những bãi cát dài mà ông Phrai-li-grát đang lạc hướng trên đó như chàng thủy thủ bị ném lên bờ.

Tác giả: Ph.Ăng-ghen

Ngày viết: Tháng Ba 1839

Xuất bản: Đã đăng trong tạp chí "Telegraph für Deutschland" các số 49, 50, 51, 52, 57 và 59; tháng Ba - tháng Tư 1839 - In theo bản đăng trong tạp chí Nguyên văn là tiếng Đức

-- Hết --

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách : Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>